

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH TÂY NINH

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 133/2022/DS-PT

Ngày 27-7-2022

V/v tranh chấp về hợp đồng
mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Vân.

Các thẩm phán:

Ông Trần Tuấn Vũ;

Ông Hồ Văn Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Nguyệt Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mộng Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2022/TLPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2022/QĐ-PT ngày 08 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B (tên gọi khác: 9 On), sinh năm 1964; nơi cư trú: số 35, tổ 9, ấp Tr, xã N, huyện C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Giáp Thị Ph, sinh năm 1973; ông Lê Minh C, sinh năm 1971; vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C: Bà Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981; nơi cư trú: số 1226, ấp N, xã B, huyện D, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ngày 29/6/2021 và ngày 01/11/2021); có mặt.

3. Người kháng cáo: Bà Giáp Thị Ph, ông Lê Minh C – bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại các biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - bà Phạm Thị B trình bày:

Bà quen biết với vợ chồng bà Giáp Thị Ph, ông Lê Minh C đã hơn 10 năm, nhưng khoảng 02 năm gần đây thì giữa bà và bà Ph có thỏa thuận giao dịch mua bán lúa. Khi thực hiện mua bán thì thông tin qua điện thoại thông báo số lượng và số tiền, giá cả cho nhau, có thực hiện ghi chép vào sổ cá nhân riêng hoặc niềm tin giữa bên bán và bên mua. Khi thanh toán tiền mặt thì bên mua ghi sổ bên bán, còn khi chuyển khoản thì bên bán và bên mua tự trừ sổ cá nhân và bên mua lấy sổ của bên bán trừ và đánh “chữ R”. Còn bên mua trả tiền, mà bên bán không có sổ thì bên bán lấy sổ bên mua trừ tiền và đánh “chữ R” xem như đã thanh toán xong. Từ ngày 19/02/2021 đến ngày 07/3/2021 âm lịch, bà có bán tiếp lúa cho bà Ph 101.042 kg (nhiều loại giá, có lúc 5.900 đồng/kg, 6.400 đồng/kg, 6.450 đồng/kg), bà có ghi sổ riêng, lập bản thống kê, cụ thể:

- Giấy tập học sinh ghi ngày 29/01/21 “bà Ph”, đánh số 01, bà Ph còn nợ số tiền 24.400.000 đồng.

- Giấy tập học sinh ghi ngày 19/02/21 “tính tiền Ph”, đánh số 02, bà Ph nợ tiền mua lúa các ngày 19/02/21; 20/02/21; 21/02/21 và 22/02/21 thành tiền 547.000.000 đồng + 24.400.000 đồng (nợ ngày 29/01/21) + số tiền 25.470.000 (nợ ngày 25/02/21) + số tiền 24.720.000 đồng (nợ ngày 26/02/21) = 621.590.000 đồng.

- Giấy tập học sinh ghi “Ph”, đánh số 03, bà Ph chuyển khoản trả qua tài khoản ngân hàng hàng Sacombank vào các ngày 22/02/21, 23/02/21 và 28/02/21 tổng số tiền 190.000.000 đồng; khấu trừ vào số tiền 621.590.000 đồng thì bà Ph còn nợ 431.590.000 đồng.

- Giấy tập học sinh ghi ngày 07/3/21 “Ph”, đánh số 04, bà Ph nợ tiền mua 7.368 kg là 43.470.000 đồng + nợ cũ 431.590.000 đồng = 475.060.000 đồng.

Tuy nhiên, sau ngày 07/3/2021, bà Ph không thanh toán nên bà đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà Ph hứa hẹn và cố tình né tránh. Đến ngày 01/4/2021 âm lịch (tức là 12/5/2021 dương lịch) bà điện thoại cho bà Ph và dùng điện thoại GALAXYA10S để ghi âm về việc đòi số tiền 475.060.000 đồng. Trong nội dung thoại bà đã chép ra bản tường trình ký tên ghi ngày 02/6/2021 và sao chép 03 thoại ghi âm ra đĩa CD ký tên để khởi kiện và gửi bà Ph.

Khi bà bán lúa cho bà Ph thì giao lúa cho xe tải do bà Ph kêu đến, có khi bà giao lúa cho xe tải của gia đình bà Ph do ông C đứng tên. Việc bà bán lúa cho bà Ph thì ông C cũng có biết, vì lúa mang về nhà họ.

Do đó, bà yêu cầu bà Ph và ông C cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền 475.060.000 đồng và yêu cầu trả tiền lãi do chậm thực hiện trả nợ. Về thời gian tính tiền lãi thì trước đây bà yêu cầu tính từ ngày 07/3/2021 âm lịch (tương ứng ngày 18/4/2021 dương lịch) nhưng nay bà chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định từ ngày bà khởi kiện là ngày 18/5/2021 cho đến khi giải quyết xong vụ kiện. Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Tại các biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2021, ngày 24/6/2021 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn - bà Lê Thị Kiều D trình bày:

Bà Ph và bà B có quen biết với nhau khoảng 10 năm. Trong thời gian này, bà Ph có mua lúa của bà B nhiều lần nhưng đã thanh toán xong, việc mua bán không có làm giấy tờ gì. Đến khoảng tháng 3/2021 (không nhớ ngày) bà B bán tiếp cho bà Ph 03 xe lúa với khối lượng 29.689 kg với giá 6.400 đồng/kg thành tiền 190.000.000 đồng, số lượng lúa này do tài xế tên Hồ Văn B điều khiển xe ô tô tải biển số: 70C – 00339 do chồng bà Ph là ông C đứng tên đến chở. Sau khi nhận lúa, ngày 28/02/2021 bà Ph có chuyển khoản trả cho bà B thông qua tài khoản ngân hàng Sacombank 03 lần với tổng số tiền 190.000.000 đồng, như vậy bà Ph đã trả tiền mua lúa xong, không còn nợ tiền gì đối với bà B. Việc mua bán lúa giữa bà Ph với bà B thì ông C hoàn toàn không biết và không liên quan. Do đó, bà B yêu cầu bà Ph và ông C có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 475.060.000 đồng và tính tiền lãi là không có căn cứ, đề nghị không chấp nhận.

Đối với 03 đoạn thoại ghi âm do bà B cung cấp và đã gửi cho bà Ph thì không phải là giọng nói của bà Ph nên bà Ph không đồng ý giám định, đề nghị căn cứ tài liệu có trong hồ sơ do các bên cung cấp giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh. Quyết định:

Căn cứ các Điều 353; 357; 430; 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27; khoản 1 Điều 30; khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản của bà Phạm Thị B đối với bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C.

Buộc bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị B số tiền còn nợ 523.620.000 đồng (trong đó, tiền nợ gốc 475.060.000 đồng + tiền lãi tính đến ngày 26/5/2022 là 48.560.000 đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, bà Giáp Thị Ph có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, ông Lê Minh C có đơn kháng cáo không đồng ý cùng bà Ph trả nợ cho bà B, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C – Bà Lê Thị Kiều D trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phía nguyên đơn – Bà Phạm Thị B trình bày: Không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà Giáp Thị Ph, ông Lê Minh C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định pháp luật của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Ph và ông C. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nhưng người đại diện theo ủy quyền của bà Ph, ông C – Bà Lê Thị Kiều D có mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph, ông C.

[2] Xét kháng cáo của bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C thấy rằng:

[2.1] Tại các biên bản làm việc đối với bà Ph vào các ngày 07/6/2021 và ngày 24/6/2021, thì bà Ph thừa nhận từ ngày 19/02/2021 đến ngày 07/3/2021 (âm lịch), bà Ph mua của bà B 101.042 kg lúa với nhiều giá khác nhau, tổng số tiền mua bán là 665.060.000 đồng và chuyển trả qua tài khoản ngân hàng Sacombank trả bà B 03 lần với tổng số tiền 190.000.000 đồng. Còn lại số tiền 475.060.000 đồng bà Ph gặp trực tiếp trả cho bà B làm 03 lần, việc trả tiền không có làm giấy tờ gì, không có ai làm chứng (BL: 34, 35). Bà B không thừa nhận có nhận từ bà Ph 475.060.000 đồng như bà Ph trình bày và bà Ph cũng như người đại diện của bà Ph không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc bà Ph có trả cho bà B số tiền 475.060.000 đồng.

[2.2] Đối với phiếu ủy nhiệm chi bà Diễm nộp tại phiên tòa phúc thẩm ngày 27/7/2022, thì số tiền 100.000.000 đồng thể hiện là bà Ph đã chuyển khoản vào tài khoản của con trai bà B, anh Nguyễn Quý P vào ngày 02/4/2021 số tiền 100.000.000 đồng. Người đại diện bà Ph cho rằng số tiền 100.000.000 đồng này nằm ngoài số tiền 190.000.000 đồng, nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2021 bà Ph khai bà có chuyển qua Ngân hàng Sacombank 03 lần với số tiền 190.000.000 đồng cho bà B (BL: 35). Nên giấy ủy nhiệm chi 100.000.000 đồng này nằm trong số tiền 190.000.000 đồng bà Ph đã trả cho bà B.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Ph vẫn còn nợ bà B số tiền 475.060.000 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét yêu cầu của kháng cáo của ông C không đồng ý cùng liên đới với bà Ph trả số tiền 475.060.000 đồng thì thấy chiếc xe ô tô biển số: 70C – 00339 dùng để chở lúa do ông C đứng tên, tài xế điều khiển chiếc xe ô tô này do ông C, bà Ph trả tiền thuê hàng tháng và việc chở lúa mua của bà B là thực hiện theo yêu cầu của ông C và bà Ph. Mặt khác, bà Ph và ông C là vợ chồng hợp pháp và giữa ông C, bà Ph không có thỏa thuận về chế độ phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân, việc mua bán của bà Ph nhằm sinh lời để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định đây là nợ chung của ông C, bà Ph. Vì vậy, ông C phải có trách nhiệm liên đới với bà Ph trả nợ số tiền 475.060.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 26/5/2022 là 48.560.000 đồng cho bà B là có căn cứ theo quy định tại Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Từ những nhận định trên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Giáp Thị Ph, ông Lê Minh C. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do bà Ph, ông C kháng cáo không được chấp nhận nên bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 353, Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, khoản 1 Điều 30, khoản 2 Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C.

2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 26-5-2022 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Tây Ninh.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” của bà Phạm Thị B đối với bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C.

4. Buộc Bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị B số tiền còn nợ 523.620.000 đồng (năm trăm hai mươi ba triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó, tiền nợ gốc 475.060.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) + tiền lãi tính đến ngày 26/5/2022 là 48.560.000 đồng (bốn mươi tám triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C phải chịu 24.944.800 đồng (hai mươi bốn triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà Phạm Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.502.000 đồng (mười một triệu năm trăm linh hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0014803 ngày 18/6/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Giáp Thị Ph và ông Lê Minh C phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0022712 ngày 02/6/2022 và 0022713 ngày 02/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Tây Ninh (do bà Lê Thị Kiều D nộp thay).

6. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra II-TANDTC;
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đường sự;
- Phòng HCTP-TAND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu: hồ sơ, lưu trữ, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Phạm Thị Hồng Vân